

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-PT

Ngày 31 - 7 - 2018

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuý Mai

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái và ông Phạm Quang Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:** Ông Nguyễn Xuân Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tam K, sinh năm 1963 (có mặt);

Trú tại: Tổ dân phố X, phường P1, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị P, sinh năm 1972 (có mặt);

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố X, phường P1, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện trú tại: Tổ 8, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Tam K.

NỘI D V VỤ ÁN:

- Trong đơn xin ly hôn đề ngày 02 tháng 10 năm 2017 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Tam K trình bày:

Trước khi kết hôn với bà Đinh Thị P, ông và bà P đều đã một lần kết hôn với người khác. Vợ trước của ông là bà Nguyễn Thị D, tháng 9 năm 2010 ông và bà D ly hôn, ông nuôi hai con chung. Ngày 09/11/2010, ông và bà P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ1, huyện Y, tỉnh Phú Thọ là quê của bà P. Sau khi kết hôn, bà P về nhà ông làm dâu chung sống

cùng ông và hai con riêng của ông là cháu Nguyễn Hoàng K1, sinh năm 1995 và cháu Nguyễn Kim K2, sinh năm 1998 tại nhà đất ở X, phường P1, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến khoảng năm 2013, vì điều kiện mẹ ông già yếu nên ông và bà P cùng 02 con riêng của ông chuyển vào sinh sống trong nhà đất của mẹ ông là cụ Hoàng Thị C ở X1, phường P1. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2013 vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà P nợ nần, ông phải trả thay cho bà P khoảng hơn 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), sau đó ông đã bỏ qua cho bà P, vợ chồng vẫn tiếp tục chung sống hạnh phúc. Nhưng đến tháng 8 năm 2017, hai vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, do ông có tình cảm với người phụ nữ khác nên không còn quan tâm, yêu thương bà P nữa, vì sự tế nhị nên ông không nói ra tên người phụ nữ mà ông đang yêu thương được. Sau khi phát hiện ra ông có tình cảm với người khác, bà P và gia đình có K2 can nhưng ông xác định không còn tình cảm gì với bà P nữa. Vì vậy, từ tháng 8 năm 2017 ông chuyển ra sinh sống tại nhà đất ở X, phường P1, còn bà P và mẹ ông cùng con của ông là cháu Nguyễn Hoàng K1, sinh năm 1995 sinh sống trên nhà đất tại X1, phường P1 (cháu K2 đã đi bộ đội). Sau đó ông làm đơn xin ly hôn bà P tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông đã nhiều lần đề nghị bà P ra khỏi nhà ông, nên ngày 31/12/2017 bà P đã chuyển ra khỏi nhà ông, thỉnh thoảng bà P có quay lại nhà ông chơi. Nay ông xác định không có tình cảm với bà P nữa, vì bà P là người không có trách nhiệm với gia đình, nợ nần nhiều và ông đã có tình cảm với người khác nên đề nghị Tòa án cho ông ly hôn bà P.

Về con chung: Ông và bà P không có con chung, ông có 02 con riêng là cháu Nguyễn Hoàng K1, sinh năm 1995 và cháu Nguyễn Kim K2, sinh năm 1998, hiện cả hai cháu đã thành niên, nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức làm dâu và các vấn đề liên quan đến tài sản: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn là bà Đinh Thị P trình bày:*

Bà và ông K trước khi đến với nhau đều đã có một lần kết hôn, chồng trước của bà là ông Trần Xuân Thanh, năm 2007 bà và ông Thanh ly hôn. Bà xác nhận về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như ông K trình bày là đúng. Năm 2013, ông K có đứng ra trả cho bà một số khoản nợ khoảng hơn 100.000.000đồng, số nợ đó do có việc riêng nên bà vay của mọi người, sau đó hai vợ chồng đã bỏ qua cho nhau và tiếp tục chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2017, bà phát hiện ra ông K có tình cảm với người phụ nữ khác, bà bắt gặp ông K và người phụ nữ ôm hôn nhau ở Khu đô thị Đồng Sơn, nên bà và ông K đã xảy ra cãi vã. Sau khi có tình cảm với người phụ nữ khác bị bà phát hiện, bà và ông K có lời qua tiếng lại với nhau, bà và gia đình đã K2 can rất nhiều nhưng ông K không nghe. Sau đó ông K một mình chuyển ra nhà đất ở X, phường P1

sinh sống không cho bà ra ngoài đó sống cùng. Còn bà vẫn sinh sống cùng mẹ ông K và con trai riêng của ông K là cháu Nguyễn Hoàng K1 tại nhà đất tại X1, phường P1, sau đó ông K đã làm đơn xin ly hôn bà tại Tòa án. Trong quá trình hòa giải tại Tòa án, bà xác định tình cảm vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, bà sẵn sàng bỏ qua cho ông K để vợ chồng hàn gắn chuyện tình cảm, nên bà đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ. Sau khi hòa giải ở Tòa án về, nhiều lần ông K đuổi bà ra khỏi nhà nên ngày 31/12/2017 bà đã phải chuyển ra ngoài ở trọ tại tổ 8, phường T, thành phố P cho đến nay, thỉnh thoảng bà vẫn về thăm gia đình ông K.

Về con chung: Bà và ông K không có con chung. Ông K có 02 con riêng là cháu Nguyễn Hoàng K1, sinh năm 1995 và cháu Nguyễn Kim K2, sinh năm 1998, hiện cả hai cháu đã thành niên, nên không yêu C Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức làm dâu và các vấn đề liên quan đến tài sản: Vì không muốn vợ chồng ly hôn, nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Với nội D vụ án như trên, tại Bản án số 05/2018/HNGĐ-ST ngày 22/5/2018, Tòa án nhân dân thành phố P đã áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Tam K đối với bà Đinh Thị P.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, ông Nguyễn Tam K kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được ly hôn bà P.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Tam K làm trong hạn luật định, hợp lệ, được chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về nội D: Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ xác định, ông K và bà P kết hôn ngày 09/11/2010, trước khi kết hôn hai bên đã một lần ly hôn. Sau khi kết hôn, bà P và ông K chung sống tại nhà ông K cùng mẹ đẻ và các con riêng của ông K. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn vì bà P nợ nần nên ông K phải trả nợ thay cho bà P. Sau đó tình cảm vợ chồng lại bình thường đến năm 2017, bà P phát hiện ông K có quan hệ nam

nữ với người phụ nữ khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông K cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin ly hôn, còn bà P tha thiết xin đoàn tụ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K nên ông K đã làm đơn kháng cáo xin ly hôn bà P.

Xét kháng cáo của ông K thấy rằng, ông K và bà P đã chung sống với nhau đến nay được 8 năm. Quá trình chung sống, do vợ chồng không có con chung nên bà P đã hết lòng chăm sóc mẹ đẻ ông K và các con của ông K. Quá trình xác minh tại địa P và qua lời khai của các con ông K đều không thấy phản ánh việc bà P đối xử không tốt, không có trách nhiệm với gia đình ông K. Việc ông K xin ly hôn với lý do là đã có tình cảm với người phụ nữ khác là không chính đáng và có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, đó là tội “Vi phạm chế độ một vợ một chồng”. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, ông K xác định nguyên nhân xin ly hôn là do bà P nợ nần nhiều, không chăm lo cho gia đình, còn mối quan hệ của ông K với người phụ nữ khác đến nay không còn nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa ông K và bà P chưa đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng có thể kéo dài. Do vậy, việc ông K xin ly hôn là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông K để vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục xây dựng cuộc sống chung.

[3] Về án phí: Ông K phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa là có cơ sở cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 05/2018/HNGĐ-ST ngày 22/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tam K về việc xin ly hôn bà Đinh Thị P.

2. Về án phí: Ông K phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ và số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo các biên lai số AA/2016/0003246 ngày 03 tháng 10 năm 2017 và biên lai số AA/2016/0003563 ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố P. Ông K đã nộp đủ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố P;
- CCTHADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thúy Mai